

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 128/2021/HSST

Ngày: 22-9-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Khánh Thiện**

Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Tiến.**

Bà Phạm Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Triệu Thị Loan** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Thị Thúy** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 127/2021/TLST-ST ngày 01 tháng 9 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2021/QĐXXST- HS ngày 10 tháng 9 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Đào Văn T, sinh năm 1982, ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn X, xã N, huyện K, TP H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đào Văn Tiến, sinh năm 1958 và bà Tạ Thị Liên, sinh năm 1958. Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ hai; có vợ: chị Kiều Thị Hà, sinh năm 1985; có 02 con lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: - Bản án số 29/2007/HSST ngày 02/3/2007 của Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt 03 năm tù về tội: “Cướp tài sản”. Nộp án phí 17/7/2007, chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/6/2009.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 08/7/2021 tại nhà tạm giữ Công an thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Nay tạm giam tại trại tạm giam – Công an tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa.

2. Đào Văn T1, sinh năm 1983, ĐKNKTT: Thôn X, xã N, huyện K, TP H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam;

tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đào Văn Tiến, sinh năm 1958 và bà Tạ Thị Liên, sinh năm 1958. Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ ba; có vợ : Nguyễn Thị Thủy, sinh năm 1987 (đã ly hôn); Tiền án: không;

Tiền sự: Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn số 81/QĐ-UBND-CA ngày 10/6/2020 của Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, TP Hải Dương với T1 do là đối tượng thường xuyên sử dụng trái phép chất ma túy. Chấp hành xong ngày 11/9/2020.

Hiện đang bị bắt, tạm giam từ ngày 08/7/2021 đến nay tại nhà tạm giữ Công an thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa.

* **Người bị hại:** Anh Nguyễn Duy B, sinh năm: 1989, nơi ĐKNKTT: Số 10/38 TT, khu 1, Phường B, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Trần Ngôn H, sinh năm: 1989, nơi ĐKNKTT: Số 20/275 ĐK, Phường Đ, Quận N, thành phố H.

2. Anh Đoàn Phú N, sinh năm: 1988, nơi ĐKNKTT: Tổ 11, khu 4, Phường G, thành phố H, QN.

* **Người làm chứng:** Anh Lương Minh H1, sinh năm: 1978, nơi ĐKNKTT: Số 48B TT, Phường B, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

(Anh B, anh H có mặt, anh N và anh H1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đào Văn T và em trai là Đào Văn T1 làm việc tại quán karaoke Hoa Phượng ở số 9, đường Phạm Tu, khu 1, Phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Dương (Tuần làm nhân viên bảo vệ, Tuần làm quản lý). Khoảng 23 giờ ngày 11/4/2021, T đang trông xe cho khách tại trước cửa quán Hoa Phượng thì anh Nguyễn Duy B, sinh năm: 1989, nơi ĐKNKTT: Số 10/38 TT, khu 1, Phường B, thành phố Hải Dương điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Mazda3, biển số: 34A-251.19 chở anh Lương Minh H1, sinh năm: 1978, nơi ĐKNKTT: Số 48B TT, Phường B, TP. Hải Dương đến quán. T hướng dẫn anh B đỗ xe ở rìa đường Thánh Thiên, khu 1, Phường Lê Thanh Nghị, Thành phố Hải Dương cách cửa quán khoảng 30m. Sau khi đỗ xe xong, anh B và anh H1 xuống xe nhưng quên không khóa cửa rồi đi vào quán Hoa Phượng. Lúc này, T thấy đèn bên trong xe ô tô của anh B vẫn sáng nên biết cửa xe không khóa, T nảy sinh ý định mở cửa xe xem có tài sản giá trị thì trộm cắp. Đến khoảng

23 giờ 30 phút cùng ngày, T mở cửa bên ghế phụ phía trước xe ô tô rồi mở cốp đựng đồ ở giữa ghế lái và ghế phụ thấy 01 chiếc điện thoại di động của anh B nhãn hiệu Vertu, model: Signature S Rose Gold màu vàng – đen, IMEI: 355711020258466, T cất vào trong túi quần đang mặc, đóng cửa xe lại và tiếp tục làm việc. Đến khoảng 0 giờ ngày 12/4/2021, anh B ra xe ô tô đi về. Đến khoảng 2 giờ ngày 12/4/2021, T sử dụng điện thoại nhãn hiệu Philips, lắp sim số 0964388559 gọi điện thoại cho T1 vào phòng hát số 11 cho T1 xem chiếc điện thoại Vertu trộm cắp được và nói “*Tao vừa lấy được chiếc điện thoại này trong xe ô tô của khách quên không khóa cửa, mày tìm chỗ bán được, tao cho một nửa*”. T1 hiểu ý T vừa trộm cắp được điện thoại Vertu và đồng ý tìm chỗ bán. Sau đó, Tuấn cầm điện thoại Vertu tháo sim ra vứt đi (không nhớ vị trí vứt) và về phòng, truy cập mạng xã hội tìm chỗ mua bán điện thoại Vertu và tìm được cửa hàng mua bán điện thoại tại địa chỉ số 215C đường Lạch Chay, phường Đ, Quận N, thành phố H của anh Trần Ngôn Huy (sinh năm: 1989, nơi ĐKNKTT: Số 20/275 Đk, Phường Đ, Quận N, thành phố H). Khoảng 8 giờ cùng ngày, Tuấn và Tuấn thuê xe taxi do anh Lê Văn Quang, sinh năm: 1994, nơi ĐKNKTT: thôn Đầm Bửu, xã Thanh Hồng, Thanh Hà, Hải Dương điều khiển đến cửa hàng điện thoại của anh H, T1 bán điện thoại Vertu cho anh H1 với giá 130.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi triệu đồng*). Anh H thanh toán bằng cách chuyển số tiền 130.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi triệu đồng*) vào tài khoản Ngân hàng ACB số tài khoản 10193847 của Tuấn. Số tiền này, T1 và Tuấn chia nhau mỗi người được 60.000.000 đồng (*sáu mươi triệu đồng*), còn số tiền 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*) cả hai chi tiêu chung. Số tiền có được T1 và Tuấn đã tiêu cho bản thân hết. Sau khi mua được chiếc điện thoại Vertu trên, đến ngày 13/4/2021, anh H đã bán cho anh Đoàn Phú N, sinh năm: 1988, nơi ĐKNKTT: Tổ 11, khu 4, Phường GĐ, thành phố H, Qn được 150.000.000 đồng (*một trăm năm mươi triệu đồng*). Sau khi được thông báo chiếc điện thoại Vertu trên là tài sản do người khác phạm tội mà có, anh N đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Công an.

Tại Kết luận định giá số 46 ngày 25/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân TP Hải Dương kết luận: Giá trị 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vertu, model: Signature S Rose Gold, màu vàng – đen là 120.000.000 đồng; Phí, lệ phí cấp lại 01 sim điện thoại mạng Vinaphone, số 0825246789 tại thời điểm ngày 11/4/2021 là 30.000 đồng. Cộng giá trị 120.030.000 đồng.

Quá trình điều tra, các bị cáo Đào Văn T1, Đào Văn T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội. Anh Nguyễn Duy B đã nhận lại tài sản không yêu cầu về trách nhiệm dân sự. Anh Trần Ngôn H yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả anh số tiền 130.000.000 đồng. Anh Huy đã trả anh Đoàn Phú N 80.000.000 đồng, anh N yêu cầu anh H hoàn trả 70.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 126/CT-VKSTPHD ngày 30/8/2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương truy tố Đào Văn T về tội: “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ Luật hình sự; Đào Văn T1 về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận về hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố, hai bị cáo đã liên hệ với gia đình bồi thường cho anh Trần Ngôn H mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Anh Nguyễn Duy B trình bày: anh đã nhận lại tài sản không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường, về phần hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo.

Anh Trần Ngôn H trình bày: anh đã được gia đình hai bị cáo T và T1 hoàn trả số tiền 130.000.000 đồng anh không đề nghị giải quyết.

Anh Đoàn Phú N có đơn xin xử vắng mặt, anh đã nhận đủ số tiền 150.000.000 đồng do anh H trả nên không đề nghị gì về phần dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

* **Về tội danh:** Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Đào Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản” ; Đào Văn T1 phạm tội “ Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

* **Về hình phạt chính:** Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Đào Văn T. Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 323; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Đào Văn T1.

- Đề nghị xử phạt bị cáo Đào Văn T từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù, thời hạn tính từ ngày bắt tạm giam 08/7/2021.

- Đề nghị xử phạt bị cáo Đào Văn T1 từ 03 năm 03 tháng đến 03 năm 06 tháng tù, thời hạn tính từ ngày bắt tạm giam 08/7/2021.

* **Về trách nhiệm dân sự:** Không đặt ra giải quyết.

* **Hình phạt bổ sung:** Do các bị cáo nghề nghiệp không ổn định và không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

* **Về vật chứng:** Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

- Trả lại cho bị cáo Đào Văn T 01 chiếc điện thoại Iphone 6 plus màu xám bạc, lắp sim 0964388559.

- Tịch thu phát mại chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, màu xanh, của bị cáo T1 sung quỹ nhà nước.

* **Án phí:** Căn cứ Điều 136 BLTTHS 2015; Luật phí và lệ phí số 97/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí STHS theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan và người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, chuẩn bị xét xử vụ án đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định tố tụng đó. Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 11/4/2021, tại đường Thánh Thiên, khu 1, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Dương, lợi dụng việc anh Nguyễn Duy B quên không khóa cửa xe ô tô, Đào Văn T đã lén lút chiếm đoạt của anh Nguyễn Duy B 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vertu, model: Signature S Rose Gold, màu vàng – đen trị giá 120.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi triệu đồng*) để trong xe ô tô Mazda3, biển số 34A – 251.19. Hành vi phạm tội của bị cáo Tuấn là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu của cá nhân, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn hưởng lợi nên vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã

đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của BLHS.

Sau khi chiếm đoạt được tài sản T nói với Đào Văn T1 về nguồn gốc chiếc điện thoại trên, T1 biết rõ điện thoại Vertu trên là do T trộm cắp được mà có nhưng vẫn đồng ý cùng T mang tài sản bán cho anh Trần Ngôn H với số tiền 130.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi triệu đồng*). Hành vi của T1 đã xâm phạm vào trật tự an toàn công cộng gây khó khăn cho việc phát hiện, điều tra, xử lý người phạm tội. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức được tài sản mình mang đi tiêu thụ là tài sản do phạm tội mà có nhưng do vụ lợi nên vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo T1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử lý đối với bị cáo:

- Về nhân thân, tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng, nhân thân bị cáo T đã 01 lần bị kết án; bị cáo T1 có 01 tiền sự, ngày 10/6/2020 bị UBND xã Ngũ Phúc, huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã phường, thị trấn số 81/QĐ-UBND-CA.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội các bị cáo đã liên hệ với gia đình hoàn trả anh Trần Ngôn H số tiền 130.000.000 đồng, anh Nguyễn Duy B xin giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt chính: Xét tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi cũng như tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo do vậy cần buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tại trại giam mới đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có tài sản, không có nghề nghiệp nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo T chiếm đoạt của anh Nguyễn Duy B 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vertu trị giá 120.000.000đồng. Ngày 09/7/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Dương đã trả lại cho anh B chiếc điện thoại trên, anh B không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự nên không phải xem xét.

Sau khi chiếm đoạt được tài sản của anh B, T và T1 mang bán chiếc điện thoại trên cho anh Trần Ngôn H với số tiền là 130.000.000 đồng. Anh H sau khi mua của T1 chiếc điện thoại Vertu đã bán cho anh Đoàn Phú N với số tiền 150.000.000 đồng. Sau khi được thông báo chiếc điện thoại trên là tài sản do người khác phạm tội mà có anh Nam đã nộp lại cho cơ quan Công an. Anh H đã hoàn trả anh N 150.000.000 đồng. Hai bị cáo T và T1 đã hoàn trả anh H 130.000.000 đồng, tại phiên tòa anh H, anh N không yêu cầu gì về phần dân sự nên không phải xem xét

[7] Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, màu xanh IMEI: 353894106687568, lắp sim số 0975871983 của bị cáo T1, T1 sử dụng điện thoại này để liên hệ với anh H tiêu thụ chiếc điện thoại Vertu nên cần phát mại xung quỹ nhà nước.

Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus, màu xám-bạc, IMEI: 353292074396306 và 353292074396630, lắp sim số 0964388559 do chị Kiều Thị Hà, sinh năm: 1985, nơi ĐKNKTT: thôn XD, xã N, huyện K, TP. H(vợ T) giao nộp. Đây là điện thoại của bị cáo T không sử dụng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

[8] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí theo luật định.

[9] Vấn đề khác: Đối với anh Lê Văn Q không biết việc chở T1, T đi bán điện thoại do phạm tội mà có; các anh Trần Ngôn H, anh Đoàn Phú N khi mua điện thoại không biết là tài sản do phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Đào Văn Tuấn. Điểm c khoản 2 Điều 323; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Đào Văn Tuấn; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị định số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đào Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, bị cáo Đào Văn T1 phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

2. Về hình phạt chính:

- Xử phạt bị cáo Đào Văn T 45 (*Bốn mươi lăm*) tháng tù, thời hạn tính từ ngày bắt tạm giam 08/7/2021.

- Xử phạt bị cáo Đào Văn T1 40 (*Bốn mươi*) tháng tù, thời hạn tính từ ngày bắt tạm giam 08/7/2021.

3. Về vật chứng: Tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, màu xanh IMEI: 353894106687568, lắp sim số 0975871983 của bị cáo T1.

Trả lại bị cáo Đào Văn T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus, màu xám-bạc, IMEI: 353292074396306 và 353292074396630, lắp sim số 0964388559.

(Hiện trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/9/2021 giữa Công an thành phố Hải Dương và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương).

4. Về án phí: Bị cáo Đào Văn T và Đào Văn T1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (22/9/2021). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần có liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND thành phố Hải Dương;
- Trại tạm giam- Công an tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan THAHS - Công an TP Hải Dương;
- Cơ quan THAHS - Công an tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT - Công an TP Hải Dương;
- Chi cục THADS thành phố Hải Dương;
- Bị cáo; Bị hại; Người có QLNVLQ;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Khánh Thiện

